

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án “Khu dân cư Chuôm Nho Bài”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 230/TTr-TNMT ngày 13/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khu dân cư Chuôm Nho Bài” (sau đây gọi là dự án) của UBND thị trấn Nhã Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

¹ Thành lập theo Quyết định số 212/QĐ-TNMT ngày 18/3/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND huyện Tân Yên; UBND thị trấn Nhã Nam và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- UBND thị trấn Nhã Nam (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Công thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, KTN Việt Anh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN “KHU DÂN CƯ CHUÔM NHO BÀI”
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu dân cư Chuôm Nho Bài.
- Địa điểm thực hiện: Thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Chủ dự án đầu tư: UBND thị trấn Nhã Nam.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang với tổng diện tích thực hiện dự án khoảng 1,536ha.

- Quy mô, công suất của dự án:

+ Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm: San nền, đường giao thông, hệ thống thoát nước thải, nước mưa, bể lắng lọc xử lý nước thải; hệ thống cấp nước; hệ thống cấp điện cho khu dân cư.

+ Quy mô dân số dự kiến khoảng 160 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình của dự án đầu tư:

Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm: San nền, đường giao thông, hệ thống thoát nước thải, nước mưa, bể lắng lọc xử lý nước thải; hệ thống cấp nước; hệ thống cấp điện cho khu dân cư.

1.3.2. Hoạt động của dự án đầu tư:

- Hoạt động triển khai xây dựng dự án (giải phóng mặt bằng và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án).

- Hoạt động vận hành dự án (hoạt động của người dân trong khu dân cư).

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên với diện tích khoảng 1,4 ha là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất: dự án chiếm dụng khoảng 1,536 ha, trong đó khoảng 1,4 ha là diện tích đất lúa cần phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng:

+ Tác động do bom mìn tồn lưu trong đất;

- + Tác động do hoạt động phát quang thực vật.
- Hoạt động san nền và thi công xây dựng các hạng mục công trình:
- + Bụi và khí thải phát sinh từ các nguồn sau:
 - ++ Từ hoạt động đào đắp, san gạt mặt bằng dự án; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và đất san lấp mặt bằng; vận chuyển chất thải; tập kết, bốc dỡ vật liệu xây dựng.
 - ++ Từ quá trình đốt cháy nhiên liệu của máy móc, thiết bị thi công trên công trường; quá trình hàn; quá trình trải bê tông nhựa nóng.
 - + Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ quá trình thi công, rửa máy móc thiết bị (từ hoạt động vệ sinh máy móc thiết bị, dưỡng hộ bê tông, nước rửa nguyên vật liệu) và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.
 - + Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật, đất đào hữu cơ phát sinh từ quá trình thi công đường giao thông, đất bóc màu bề mặt và chất thải rắn xây dựng phát sinh do hoạt động thi công xây dựng dự án;
 - + Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công xây dựng.
 - Tác động không liên quan đến chất thải như: Tác động do tiếng ồn; độ rung; tác động do chiếm dụng đất, tác động đến hệ thống giao thông khu vực,...
 - Tác động do rủi ro, sự cố như: Sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố do thiên tai, sự cố ngập úng, sạt lở, sụt lún...

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động sinh sống của các hộ dân trong khu dân cư:
- + Phát sinh nước thải của các hộ dân trong khu vực dự án và khu dân cư hiện trạng tiếp giáp dự án.
- + Phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động giao thông trên các tuyến đường nội bộ dự án. Phát sinh khí thải từ hoạt động đun nấu của khu dân cư.
- + Phát sinh chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày tại khu vực dự án.
- + Chất thải thông thường từ hoạt động duy tu bảo dưỡng hạ tầng; bùn thải từ bể tự hoại, bể xử lý nước thải và chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của khu dân cư.
- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:
 - + Chất thải phát sinh từ quá trình duy tu, sửa chữa công trình hạ tầng kỹ thuật.
 - + Sự cố cháy nổ; sự cố khi xảy ra thiên tai, bão lụt; sự cố vỡ đường ống cấp nước, thoát nước của khu dân cư,...
 - Nước mưa chảy tràn kéo theo bụi từ mái nhà, đất cát từ sân bãi, đường đi,... xuống hệ thống thoát nước mưa.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

** Nước thải:*

- Nước thải thi công: Phát sinh chủ yếu từ các hoạt động thi công, rửa nguyên vật liệu và quá trình vệ sinh các dụng cụ, máy móc, thiết bị thi công cơ giới phục vụ xây dựng khoảng 2,4m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng trong nước thải này là: Chất rắn lơ lửng (SS), BOD₅, COD, dầu mỡ,...

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công khoảng 2,4 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, tổng Coliforms,....

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng kéo theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

** Bụi, khí thải:*

+ Bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp, san gạt mặt bằng dự án; từ quá trình vận chuyển đất san lấp mặt bằng, vận chuyển chất thải; từ hoạt động bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu xây dựng; từ hoạt động thổi bụi làm sạch mặt đường trước khi trải nhựa (tuyến đường nội bộ). Thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng bụi lơ lửng.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công, đất san lấp mặt bằng, vận chuyển chất thải; từ hoạt động của các máy móc, phương tiện thi công với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x, bụi,...

+ Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn hàn có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, khói hàn.

+ Khí thải (hơi nhựa) phát sinh từ quá trình trải bê tông nhựa nóng có các thông số ô nhiễm đặc trưng là VOC_s,...

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng khoảng 15 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường từ hoạt động phát quang thảm thực vật khoảng 2,31 tấn. Thành phần chủ yếu là gốc rễ hoa màu, cây bụi,...

- Đất đào hữu cơ thi công đường giao thông, phát sinh khoảng 1.020m³.

- Đất màu bóc bề mặt diện tích đất lúa khoảng 2.812,42m³.

- Chất thải xây dựng như gạch vỡ, sỏi, đá, cát, mẫu sắt thép, vỏ bao xi măng...phát sinh khoảng 110 kg/ngày.

- Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công, xây dựng như giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang vỡ, hỏng,... phát sinh khoảng 270 kg/8tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện, máy móc thiết bị thi công xây dựng.

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực, tác động đến giao thông khu vực và trên tuyến đường vận chuyển; tác động đến người tham gia giao thông; tác động đến hệ sinh thái, sản xuất nông nghiệp...

- Tác động do rủi ro, sự cố như: Sự cố do bom mìn tồn lưu từ chiến tranh; sự cố tai nạn lao động; sự cố cháy nổ, chập điện; sự cố tai nạn giao thông; sự cố do thiên tai,...

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

** Nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân sinh sống tại dự án và từ khu dân cư hiện trạng tiếp giáp dự án khoảng 28,2 m³/ngày đêm (trong đó nước thải phát sinh từ dự án khoảng 24 m³/ngày đêm; nước thải phát sinh từ khu dân cư hiện trạng khoảng 4,2 m³/ngày đêm). Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni, tổng Coliforms,...

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực kéo theo đất, cát, chất cặn bã xuống cống thoát nước xung quanh. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

** Bụi, khí thải:*

+ Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình xây dựng công trình, nhà ở của các hộ dân tại dự án.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, SO₂...

+ Khí thải từ hoạt động đun nấu trong khu dân cư có thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO₂, SO₂, THC...

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ.

+ Mùi phát sinh từ khu tập kết rác thải sinh hoạt với thông số ô nhiễm đặc trưng: Amoni, H₂S...

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của các hộ dân sống trong khu dân cư, khoảng 80 kg/ngày.

- Bùn thải từ bể tự hoại, khoảng 6,4 m³/năm.

- Chất thải phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, duy tu công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án: Bùn, cặn từ hoạt động nạo vét cống, rãnh thoát nước mưa, nước thải khoảng 1,85m³/6 tháng, cành cây bị chặt bỏ khoảng 2m³/năm (sau 5 năm trồng cây mới phải cắt tỉa cành vào mùa mưa bão); Bê tông nhựa thải phát sinh từ hoạt động sửa đường giao thông nội bộ khoảng 12,6 m³/lần (khoảng 3-5 năm sửa đường 1 lần),...

- Chất thải nguy hại từ hoạt động của khu dân cư:
- + Dầu thải phát sinh từ trạm biến áp khoảng 400 lít/lần thay (4 năm/1lần);
- + Bóng đèn huỳnh quang hỏng phát sinh khoảng 7,68kg/tháng;
- + Bên cạnh các loại chất thải nguy hại trên, khu dân cư còn có các loại đồ điện tử cũ hỏng, các loại chất thải khác phát sinh. Tuy nhiên loại chất thải này phát sinh không liên tục và không nhiều.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông đi lại trong khu vực dân cư và khu vực công cộng.

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực; đến an ninh trật tự,...
- Tác động do sự cố như: Sự cố cháy nổ; sự cố ngập úng; sự cố tắc/vỡ đường ống thu gom nước thải, bể xử lý nước thải...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động, vật liệu chế tạo bằng composite không han gỉ, dung tích bể nước sạch là 800 lít, dung tích bể chứa chất thải là 2.500 lít, định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng hút chất thải tại bể chứa mang đi xử lý, tần suất 1 tuần/lần hoặc khi bể chứa đầy.

- Nước thải thi công:

+ Quy hoạch thành một khu chứa và trộn nguyên vật liệu trong suốt quá trình thi công: Chủ dự án bố trí bãi chứa nguyên liệu bao gồm: Cát, sỏi, xi măng... để thuận tiện cho việc phối trộn, tránh bố trí phân tán tràn lan trên khắp công trường gây lãng phí nguyên vật liệu cũng như việc khó quản lý gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường.

+ Sử dụng tỷ lệ nước phối trộn vật liệu vừa đủ, hạn chế rò rỉ nước ra ngoài môi trường, đồng thời tiết kiệm nguồn nước.

+ Bố trí khoảng 2-3 thùng phuy chứa nước phục vụ rửa dụng cụ xây dựng, sau đó nước này được tận dụng cho phối trộn vật liệu xây dựng hoặc đập bụi.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Hạn chế nước mưa chảy tràn trong giai đoạn thi công xây dựng, vạch tuyến rãnh đất thoát nước tạm thời trong giai đoạn thi công được thiết kế đảm bảo thoát nước tốt khi có mưa lớn; tổ chức nạo vét cống rãnh thoát nước, hố lắng thường xuyên; hạn chế triển khai thi công vào mùa mưa bão; không tập kết nguyên vật liệu xây dựng gần rãnh thoát nước.

+ Thi công hệ thống thoát nước song song với hệ thống giao thông để đẩy

nhANH TIẾN ĐỘ HOÀN THÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC KHU VỰC DỰ ÁN.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Các phương tiện vận chuyển nguyên, nhiên liệu,... khi tham gia giao thông có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi rơi vãi và khuếch tán vào môi trường không khí do tác dụng của gió.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, máy xúc, máy ủi đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Tưới nước trên công trường với tần suất 2 lần/ngày. Tưới nước dọc tuyến đường vận chuyển khi thời tiết khô hanh nắng nóng tần suất 04 lần/ngày đặc biệt đối với đoạn đường đi qua các khu dân cư, khu trường học....

- Bố trí bãi rửa xe tại khu vực công trường để rửa thành xe, bánh xe tránh đất kéo từ khu vực dự án ra đường giao thông bên ngoài.

- Thường xuyên bố trí công nhân đi thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi trên đường để hạn chế việc phát tán bụi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Trang bị khẩu trang, găng tay, kính mắt,... cho những người làm việc tại các khu vực có khả năng phát sinh ô nhiễm không khí.

- Sử dụng hàng rào tôn cao 2m che chắn xung quanh khu vực dự án để cách ly và giảm thiểu tác động của bụi tới môi trường xung quanh Dự án.

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ quá trình trải bê tông nhựa nóng:

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thực hiện công tác thổi bụi và các công nhân làm việc trong khu vực này: Kính mắt, khẩu trang, quần áo bảo hộ....

+ Tiến hành quét dọn bề mặt đường, thu dọn bùn đất rơi vãi. Quá trình quét dọn mặt đường tiến hành liên tục để hạn chế bụi phát tán khi đưa máy thổi bụi vào hoạt động.

+ Thực hiện các giải pháp kỹ thuật trong thi công như: Tưới ẩm nhiều lần cho tầng móng liên tục trong vài ngày trước khi rải nhựa; Khi thi công qua khu vực gần khu đông dân cư cần hạn chế việc thổi bụi với công suất lớn mà thổi với công suất nhỏ, từ từ; Tiến hành phun nước khoan vùng để hạn chế bụi khuếch tán rộng.

- Đối với khí thải phát sinh từ công đoạn hàn: Sử dụng các loại máy hàn đạt tiêu chuẩn, chất lượng và trang bị các thiết bị an toàn lao động cá nhân cho công nhân như mũ, mặt nạ, quần áo bảo hộ lao động,....

4.1.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí 02 thùng chứa có nắp đậy dung tích 100 lít tại khu vực lán trại của công nhân để thu gom chất thải. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý mang đi xử lý theo quy định, tần suất 1 tuần/lần.

* Chất thải rắn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật: Tạo điều kiện để cho các hộ dân thu gom toàn bộ cây trồng trên đất tận dụng tối đa vào các

mục đích khác nhau. Đối với khối lượng thực bì dọn dẹp người dân không sử dụng được vào các mục đích nào cần thải bỏ được vận chuyển về bãi đổ thải của huyện tại Khu Đồng Bằng, thôn Tân Hòa, xã Hợp Đức, tần suất 1 tuần/lần.

- Đất đào nền đường giao thông được tận dụng toàn bộ để san lấp mặt bằng, không đổ thải ra ngoài.

- Đối với khối lượng bóc đất màu được sử dụng toàn bộ để trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

- Chất thải xây dựng: Được phân loại tại nguồn:

- + Các chất thải có thể tái sử dụng như sắt, thép,...: Bán cho đơn vị có chức năng để tái chế, tái sử dụng.

- + Các loại chất thải như bê tông, gạch vỡ được đập nhỏ tận dụng để san nền dự án.

- + Đối với các loại vỏ bao xi măng, mảnh gỗ vụn,... không tái sử dụng được, được vận chuyển về bãi đổ thải của huyện, tần suất 1 tuần/lần.

- + Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Hạn chế tối đa việc sửa chữa máy móc, thiết bị thi công trong khu vực Dự án. Các xe vận chuyển sẽ được đưa đến các Gara để rửa, sửa chữa và bảo dưỡng để hạn chế phát sinh chất thải.

- Chủ dự án bố trí 04 thùng có nắp đậy, dung tích 200 lít/thùng để thu gom, lưu chứa tại kho chứa CTNH tạm thời bằng Cotainer diện tích khoảng 10m² trong khu vực công trường.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định sau khi hoàn thiện việc xây dựng, tuân thủ theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022.

4.1.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Máy móc thiết bị đều phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn. Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị, máy móc đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm thiểu mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như: nút tai, bao tai...

- Xây dựng lịch trình thi công hợp lý nhằm giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm.

- Không sử dụng máy móc có tiếng ồn lớn vào ban đêm và giờ nghỉ trưa để tránh tác động đến sinh hoạt của người dân. Thời gian thi công hoạt động từ 07h30-11h và 13h-18h.

4.1.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Thuê đơn vị có chức năng rà phá bom mìn trước khi tiến hành san lấp mặt bằng dự án.

- Phổ biến cho tất cả các cán bộ công nhân thi công trên công trường hiểu biết về nội quy lao động và an toàn lao động, thường xuyên nhắc nhở đôn đốc công nhân thực hiện đúng nội quy.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Đặt các biển cảnh báo cho người dân trong vùng biết công trường đang thi công, khu vực xe ra vào thường xuyên để người dân cảnh giác tránh gây các trường hợp tai nạn giao thông xảy ra.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng các thiết bị vận tải để các phương tiện luôn hoạt động trong trạng thái tốt nhất. Các xe tải vận chuyển nguyên liệu trong tình trạng hoạt động tốt, không bị hư hỏng phanh xe, lốp xe, còi,... Xây dựng nội quy phòng cháy chữa cháy và kế hoạch ứng cứu sự cố cháy nổ.

- Công nhân trực tiếp làm việc tại công trường sẽ được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Đối với nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt của các hộ dân sau khi được xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại được thoát vào hệ thống hố ga kết hợp với rãnh B400 thu nước thải bố trí sau nhà về bể xử lý nước thải của dự án. Nước thải sau bể xử lý theo hệ thống cống BTCT D400 đấu nối với hố ga thu nước thải hiện trạng trên hệ đường thuộc dự án Khu đô thị Chuôm Nho, thị trấn Nhã Nam ở phía Bắc dự án.

Trong giai đoạn đầu của dự án, nước thải sẽ được đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải của dự án “Khu đô thị Chuôm Nho, thị trấn Nhã Nam”, công suất 200m³/ngày đêm cạnh dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thoát ra ngoài môi trường. Sau khi trạm xử lý nước thải tập trung công suất 2.400 m³/ngày đêm (dự kiến đến năm 2030) của thị trấn hoàn thiện, nước thải của dự án sẽ được đấu nối trạm xử lý nước thải của thị trấn ở phía Nam theo quy hoạch của thị trấn Nhã Nam (theo Công văn số 687/UBND-BQLA ngày 30/3/2024 của UBND huyện Tân Yên).

* Đối với nước mưa:

- Nước mưa trong các lô đất, trên đường được thu về các cửa thu có song chắn rác, rồi tập chung chảy về các hố ga trên tuyến cống thoát nước mưa.

- Hướng thoát nước: Hướng thoát nước chủ đạo dự án từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây. Sau đó đấu nối với hố ga thoát nước mưa của dự án “Khu đô thị Chuôm Nho, thị trấn Nhã Nam” đã được triển khai qua 01 điểm đấu nối.

- Đường kính cống bê tông cốt thép ly tâm có đường kính D400, D600, D1250. Các cống thu nước qua đường có đường kính cống tròn bê tông cốt thép ly tâm D400, chiều dài 699m, độ dốc 0,2%. Dọc tuyến bố trí các hố ga lắng cặn,

gồm 30 hố.

4.2.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Trồng cây xanh trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường và trong khu vực dự án.

- Thu gom và xử lý triệt để lượng chất thải rắn phát sinh hàng ngày từ đường xá, công rãnh, các khu vực công cộng.

- Định kỳ 6 tháng/lần: Nạo vét, thu gom và xử lý triệt để lượng chất thải từ các công rãnh, các khu vực công cộng.

- Trên các trục đường đặt các thùng rác công cộng có dung tích từ 150-300l với khoảng cách của các thùng rác từ 60m - 80m/1 thùng để dân thuận tiện bỏ rác, sau đó vận chuyển đến khu xử lý rác thải tập trung của thị trấn để giảm thiểu phát tán mùi hôi.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải sinh hoạt:

- Trên các trục đường đặt các thùng rác công cộng có dung tích từ 150-300l/thùng với khoảng cách của các thùng rác từ 60m - 80m/1 thùng để dân thuận tiện bỏ rác.

Hàng ngày rác thải phát sinh từ hộ gia đình, khu vực công cộng được đơn vị vệ sinh môi trường thu gom, vận chuyển đến khu xử lý rác thải tập trung của thị trấn (tần suất 01 ngày/lần).

- Đối với lượng bùn thải từ bể tự hoại của các hộ gia đình: các hộ gia đình có trách nhiệm thuê đơn vị chức năng hút cặn, thu gom, xử lý bùn cặn từ bể tự hoại trong công trình của mình với tần suất khuyến khích 1 lần/năm.

* Chất thải rắn phát sinh từ quá trình xây dựng thứ cấp; từ quá trình duy tu bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án: Đơn vị được bàn giao quản lý dự án giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đối với hoạt động xây dựng các công trình thứ cấp này. Trong quá trình xây dựng, yêu cầu người dân và đơn vị xây dựng các công trình công cộng thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý chất thải xây dựng phát sinh theo quy định, không đổ bừa bãi chất thải ra môi trường, không để vật liệu xây dựng lấn chiếm lòng đường.

* Chất thải rắn phát sinh từ quá trình duy tu bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án:

- Các loại chất thải rắn phát sinh như bùn đất, cây cối, vật liệu xây dựng hỏng, gạch đá phá dỡ, sửa chữa công trình: Đơn vị được bàn giao quản lý dự án hợp đồng với đơn vị đủ chức năng đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo quy định (đối với bùn nạo vét: Định kỳ 06 tháng/lần; đối với cây cối, vật liệu xây dựng hỏng, gạch đá phá vỡ: vận chuyển khi phát sinh).

- Đối với đường bê tông hỏng phải bóc đi để sửa, sau này sẽ thực hiện bằng

công nghệ mới để tái chế, tái sử dụng lại bê tông nhựa vừa được bóc tách ra. Đơn vị được bàn giao quản lý dự án hợp đồng các đơn vị có chức năng để tiến hành duy tu, bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật vừa đảm bảo quá trình duy tu bảo dưỡng vừa đảm bảo công tác bảo vệ môi trường.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH)

- Đối với dầu thải từ thay dầu máy biến áp: Đơn vị quản lý vận hành (Công ty điện lực Bắc Giang) sẽ thuê đơn vị có đủ chức năng đến hút, vận chuyển đi xử lý ngay thời điểm thay dầu cho máy. Lượng dầu này không lưu tại dự án.

- Đối với chất thải nguy hại tại hộ gia đình: Người dân chịu trách nhiệm thu gom, quản lý chất thải nguy hại phát sinh tại gia đình mình theo quy định. Đơn vị được bàn giao quản lý dự án sẽ tìm đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định, người dân phải tự trả phí cho xe vận chuyển đi xử lý đến thu gom tại nhà.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Trồng cây xanh trong khu vực dự án có tác dụng giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ phương tiện giao thông, đồng thời tạo cảnh quan, điều tiết vi khí hậu khu vực.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Bố trí đường ống cấp nước chữa cháy theo mạng vòng tại tất cả các khu nhà. Các trụ nước chữa cháy phải được bố trí dọc theo các đường giao thông bên ngoài và nội bộ với khoảng cách giữa các trụ khoảng 100m đến 200 m.

- Thi công đường ống thu gom nước thải theo đúng thiết kế, đảm bảo sử dụng hợp lý các loại đường ống và phụ tùng đường ống theo áp lực nước thải cần thu gom.

- Tuân thủ các phương án quy hoạch, đảm bảo cao độ nền và xây dựng hệ thống mương rãnh đảm bảo tiêu thoát nước tự nhiên khi mưa to kéo dài. Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng (thuộc trách nhiệm của chủ dự án)

*. *Giám sát chất lượng không khí:*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực thi đang công xây dựng dự án.

- Thông số giám sát: Bụi, SO₂, NO₂, CO, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 01 lần trong giai đoạn xây dựng

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 27:2016/BYT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

*. *Giám sát chất thải:*

- Vị trí giám sát: Khu vực phát sinh, lưu giữ.
- Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, việc thu gom, phân loại và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải nguy hại.
- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022.

5.2. Giai đoạn vận hành (thuộc trách nhiệm của đơn vị quản lý vận hành):

Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường. Cam kết kiểm soát các nguồn thải phát sinh (bụi, khí thải, nước thải, tiếng ồn) đảm bảo không gây ô nhiễm, ảnh hưởng tới môi trường và các đối tượng xung quanh.

- Khối lượng đất đào tận dụng lại cho dự án và đất dư thừa vận chuyển đi, chủ dự án phải thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

- Đối với phương án sử dụng đất màu béc bề mặt, chủ dự án phải thực hiện các thủ tục về phương án sử dụng đất màu trước khi triển khai dự án, đảm bảo theo quy định.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong quá trình triển khai dự án;

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 230/TTr-TNMT ngày 13/5/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.